

TCVN 2407 : 1978

**NỐI ỐNG DÙNG CHO THUỶ LỰC, KHÍ NÉN VÀ BÔI TRƠN
 P_{qu} 40 MN/m² ($\approx$ 400 KG/cm²) – PHẦN NỐI CHUYỂN BẬC –
KẾT CẤU VÀ KÍCH THƯỚC**

Tube connections for hydraulic pneumatic and lubrication –

Reduce unions for P_n 40MN/m² ($\approx$ 400Kgf/cm²)

Construction and dimensions.

Lời nói đầu

TCVN 2407 : 1978 do Cục Tiêu chuẩn biên soạn, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Nối ống dùng cho thủy lực, khí nén và bôi trơn - $P_{qu} 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{KG/cm}^2)$ - Phần nối chuyển bậc Kết cấu và kích thước cơ bản

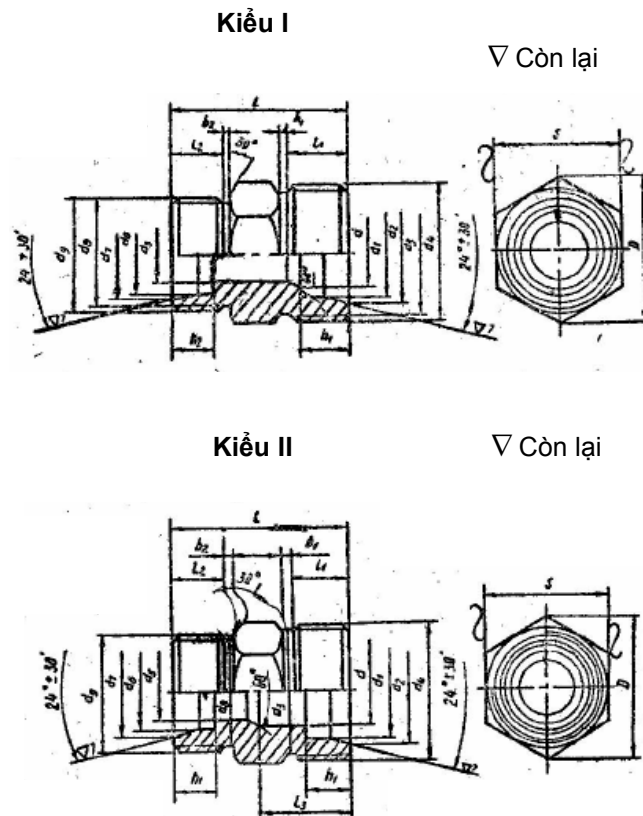
Tube connections for hydraulic pneumatic and lubrication -

Reduce unions for $P_n 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{Kgf/cm}^2)$

Construction and dimensions.

1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho phần nối chuyển bậc để nối các ống dẫn $P_{qu} 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{KG/cm}^2)$ làm việc trong điều kiện môi trường không ăn mòn ở nhiệt độ từ âm 40°C đến dương 120°C .

2 Kết cấu và kích thước của phần nối chuyển bậc phải phù hợp với chỉ dẫn trên Hình 1 và trong Bảng 1.



Hình 1

Bảng 1

Kích thước tính bằng milim

Lỗ thông quy ước D _{qu} x D _{qu}	d	d ₁	d ₂	d ₃	d ₄	d ₅	d ₆	d ₇	d ₈	d ₉	D	L	l ₁	l ₂	l ₃	h ₁	h ₂	b ₁	b ₂	S	Khối lượng 1000 chiếc, kg không lớn hơn	
		Sai lệch giới hạn					Sai lệch giới hạn					Sai lệch giới hạn										
		±0,15					±0,1					±0,4										
KIỂU I																						
5 x 3	6	10	12,5	15,8	M18 x 1,5	3	6	8,1	11,8	M14 x 1,5	25,4	35	10,1	10,1	–	7,5	7,0	2,5	2,5	22	60,10	
6 x 4	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	5	8	10,1	13,8	M16 x 1,5					–					24	62,02	
8 x 6	10	14	16,3	19,8	M22 x 1,5	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	27,7	37	12,1		–	8,0	7,5			27	81,85	
10 x 8	12	16	18,3	21,8	M24 x 1,5	10	14	16,3	19,8	M22 x 1,5	31,2	39		12,1	–	8,5	8,0			32	99,96	
13 x 8	15	20	22,9	27,0	M30 x 2						12	16	18,3		21,8	M24 x 1,5	36,9				42,5	13,5
13 x 10						–	10,5	8,5	149,48													
16 x 13	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	15	20	22,9	27,0	M30 x 2	47,3	47	15,5	13,5	–	12,5	10,5	3,0	3,0	41	251,35	
20 x 16	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	53,1	53	17,5	15,5	–	13,5	12,0			46	419,34	
25 x 20	28	38	41,0	49,0	M52 x 2	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	63,5	58	19,5	17,5	–	16,5	13,5			55	582,80	
KIỂU II																						
5 x 3	6	10	12,5	15,8	M18 x 1,5	3	6	8,1	11,8	M14 x 1,5	25,4	35	10,1	10,1	17,5	7,5	7,0	2,5	2,5	22	58,40	
6 x 4	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	5	8	10,1	13,8	M16 x 1,5					–					24	61,72	
8 x 6	10	14	16,3	19,8	M22 x 1,5	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	27,7	37	12,1		19,5	8,0	7,5			27	77,51	
10 x 8	12	16	18,3	21,8	M24 x 1,5	10	14	16,3	19,8	M22 x 1,5	31,2	39		12,1		22,0	8,5			8,0	32	94,44
13 x 8	15	20	22,9	27,0	M30 x 2						12	16	18,3		21,8		M24 x 1,5					36,9
13 x 10						–	10,5	8,5	140,20													
16 x 13	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	15	20	22,9	27,0	M30 x 2	47,3	47	15,5	13,5	24,0	12,0	10,5	3,0	3,0	41	189,97	
20 x 16	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	53,1	53	17,5	15,5	27,5	13,2	12,0			46	303,47	
25 x 20	28	38	41,0	49,0	M52 x 2	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	63,5	58	19,5	17,5	29,0	16,0	13,5			55	521,10	

Ví dụ: Ký hiệu quy ước của phần nối chuyển bậc có D_{qu} 25 mm nối với D'_{qu} 20 mm

Kiểu I: Phần nối 25 x 20 – I TCVN 2407 : 1978

Kiểu II: Phần nối 25 x 20 – II TCVN 2407 : 1978

3 Tôi và ram cao HB 240 ÷ 270

4 Các yêu cầu kỹ thuật còn lại theo TCVN 2387 : 1978.